

Bản án số: 323/2023/DS-PT

Ngày: 20 - 9 - 2023

“Tranh chấp hợp đồng tặng cho  
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Duy Tuấn và ông Vũ Văn Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Huê - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/TLPT-DS ngày 02/8/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐ-PT ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Kim H - Sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Trường G - Sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Đặng Ngọc H (có mặt).

Cùng địa chỉ: P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Thành G - Sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Hùng V, phường T, TP. B, Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị L - Sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Phù Đ, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm Thành C - Sinh năm 1961 (vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị Phương T - Sinh năm 1990 (vắng mặt).

+ Anh Phạm Thành M - Sinh năm 1992 (vắng mặt).

+ Anh Phạm Thành L - Sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C, chị T, anh M, anh L: Ông Võ Trường G - Địa chỉ: phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Minh P - Sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: phường T, TP. B, Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị L - Địa chỉ: phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

#### **4. Người làm chứng:**

- Bà Phạm Thị S - Địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông Vũ Văn T - Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Nguyễn K - Địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Hoàng S - Địa chỉ: tổ dân phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

**5. Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.745,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 462868 ngày 24/10/2016 cho hộ ông Phạm Thành C và bà Đinh Thị Kim H. Thửa đất có nguồn gốc do ông Phạm Thành C nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn T vào ngày 25/3/1999. Tại thời điểm chuyển nhượng thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên viết giấy chuyển nhượng đất nhưng không được công chứng, chứng thực, chưa đăng ký thủ tục sang tên theo quy định. Ngày 17/7/2014 ông C, bà H viết giấy tặng cho ông Phạm Thành G (em cùng cha khác mẹ với ông C) 500 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất thuộc một phần diện đất của thửa đất số 100. Đến năm 2016 ông Phạm Thành C và bà Đinh Thị Kim H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích đất 2.745,6 m<sup>2</sup>.

*\* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H và người đại diện theo uỷ quyền ông Võ Trường G trình bày: Năm 2010 do ông Phạm Thành G không có hộ khẩu thường trú, muốn được cấp hộ khẩu thì cần có nhà ở ổn định. Do vậy, vợ chồng bà H, ông C cho ông G mượn 1 phần diện tích đất 500 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 100 để ông G làm thủ tục nhập khẩu.*

Để hợp thức hoá việc cho mượn đất để làm giấy tờ, vợ chồng bà H, ông C đã viết giấy tặng cho 500 m<sup>2</sup> đất cho ông G. Tại thời điểm cho mượn đất, ông C đã xây dựng 01 căn nhà cấp 04, diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup> trên diện tích đất cho mượn. Do là hợp thức hoá việc nhập hộ khẩu trên giấy tờ nên ông G không ở trên nhà đất cho mượn mà cho người khác thuê lại. Đến tháng 3/2022 khi có việc tranh chấp tài sản thừa kế với gia đình, ông G về chiếm lại căn nhà này, tự ý coi nói diện tích đất xung quanh bằng tôn và hàng rào lưới kẽm khi chưa được sự đồng ý của bà H, ông C. Theo di nguyện của cụ Phạm T (bố của ông C, ông G) để lại nhà từ đường 98,8 m<sup>2</sup> thửa đất số 77, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường T cho ông C và ông C có nghĩa vụ mua một phần đất khác cho ông G để làm ăn sinh sống. Sau khi cụ T chết, các anh em đều đồng ý với di nguyện của cụ nhưng ông G không đồng ý, đã khởi kiện chia thừa kế và được giải quyết tại bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật. Tại bản án đã buộc ông C phải thanh toán kỹ phần cho ông G được hưởng là 613.900.000 đồng. Như vậy, ông G là người đã vi phạm điều kiện tặng cho đất.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ giấy tặng cho đất ngày 17/7/2014, buộc ông G phải di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho bà H, ông C.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Phạm Thành G và người đại diện theo uỷ quyền bà Phan Thị L trình bày:**

Tháng 3/1999 bà Nguyễn Thị Ng (mẹ ông C) giao cho ông C 48.000.000 đồng mua thửa đất số 100 để cho ông G sau này ra ở riêng. Do ông C đi mua nên ông C đứng tên trên giấy tờ chuyển nhượng, sau đó ông C giao cho ông G giữ giấy tờ. Năm 2009 ông G lấy vợ, thuê nhà ở riêng nên ông C gọi ông G về làm nhà ở trên thửa đất nói trên. Năm 2010 ông G đưa giấy tờ cho ông C để đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014 con ông G chuẩn bị đi học nên ông G đòi ông C trả giấy tờ thì ông C không đưa và nói chưa làm xong. Ông C phô tờ giấy tờ mua bán đất đưa cho ông G và viết giấy tay cho ông G 500 m<sup>2</sup> đất. Do thời điểm này bố mẹ đều đã qua đời nên ông G đành chấp nhận. Việc ông C, bà H viết giấy cho đất là tự nguyện. Năm 2016 ông C được cấp giấy chứng nhận, ông G nói ông C làm thủ tục sang tên cho ông G thì hai bên mâu thuẫn, xảy ra tranh chấp.

Nay bà H khởi kiện thì ông G không chấp nhận. Đồng thời ông G đề nghị Toà án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/7/2014 đối với diện tích đất 500 m<sup>2</sup>.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành C và các con chị Phạm Thị Phương T, anh Phạm Thành M, anh Phạm Thành L:** Nhất trí với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Minh P (vợ ông G):** Nhất trí với trình bày và đề nghị của ông G.

**\* Người làm chứng:**

- **Ông Vũ Văn Th trình bày:** Ngày 25/3/1999 vợ chồng ông Vũ Văn Th và bà Đỗ Thị X chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà H diện tích đất 2.100 m<sup>2</sup> (nay là thửa đất số 100), địa chỉ tại tổ dân phố A, phường T, thành phố B. Tại thời điểm giao dịch chuyển nhượng ông Th làm việc trực tiếp với vợ chồng ông C, bà H và nhận tiền từ ông C, bà H. Ông Th không làm việc với ông G.

- **Ông Nguyễn K trình bày:** Ngày 17/7/2014 ông G đến nhà ông K và đưa cho ông K tờ giấy cho đất đã viết sẵn nội dung ông C cho ông G 500 m<sup>2</sup> đất. Ông K đã ký xác nhận vào giấy cho đất.

- **Ông Nguyễn Hoàng S trình bày:** Ngày 05/3/2022 ông G thuê ông S làm mái che trước, hàng rào bên hông và phía sau nhà của ông G tại địa chỉ tổ dân phố A, phường T. Phần diện tích làm thêm bằng thép tôn, mái trước căn nhà diện tích 10m X 07m, bên hông căn nhà diện tích 01m X 50m, phía sau căn nhà diện tích 10m X 20m. Việc coi nói này không được sự đồng ý của ông C.

- **Bà Phạm Thị S trình bày:** Bà là em ruột ông C, là chị em cùng cha khác mẹ với ông G. Tháng 7/2014 cháu Phạm Trần Nhật N (con của ông G) đến tuổi vào lớp 1. Vì ông G chưa có giấy tờ đất nên không được cấp sổ hộ khẩu, không đủ điều kiện xin nhập học vào trường tiểu học Nguyễn Đức C thuộc phường T. Do vậy, bà Sa đã đề nghị ông C và bà H viết cho ông G 500 m<sup>2</sup> đất tại tổ dân phố A. Trước đó khoảng năm 2010 ông C, bà H cho ông G làm nhà ở trên đất vì lúc đó ông G lấy vợ chưa có nhà ở.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

“Áp dụng Điều 122, 124, 425, 467, 722 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 100, 166, 167, 170, 188 Luật đất đai năm 2013.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Thành G. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/7/2014, diện tích 500 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 15, địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí.

Ngày 29/6/2023 nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy

định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng tặng cho đất vô hiệu; buộc ông G phải tháo dỡ mái che, hàng rào để trả lại đất cho ông C, bà H; buộc ông C, bà H phải thanh toán giá trị căn nhà, tài sản trên đất cho ông G 123.717.494 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H.

Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.745,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do ông Phạm Thành C nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn Th vào ngày 25/3/1999. Đến năm 2016 ông Phạm Thành C và bà Đinh Thị Kim H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 462868 ngày 24/10/2016.

Ngày 17/7/2014 ông C, bà H viết “giấy cho đất” ông Phạm Thành G, nội dung năm 2009 vợ chồng ông C, bà H đồng ý cho ông G 500 m<sup>2</sup> (10m X 50m) để cất nhà và làm vườn, bốn năm nay đã ăn ở ổn định. “Giấy cho đất” được ông Nguyễn K ký tên xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà H đều thừa nhận chữ ký đề tên ông C, bà H là do ông C, bà H tự ký. Như vậy, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa các bên là có thật.

Tuy nhiên, tại thời điểm tặng cho đất năm 2009 và thời điểm viết giấy tặng cho đất ngày 17/7/2014 ông C, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 100, trong đó có diện tích đất tặng cho 500 m<sup>2</sup> nên chưa đủ điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất theo Điều 467, 691 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 167 và khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, theo Điều 122, 127, 128 Bộ luật Dân sự năm 2005 “giấy cho đất” lập ngày 17/7/2014 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Đồng thời, tại Biên bản hoà giải ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, ông G trình bày cụ Phạm T (bố của ông C, ông G) di chúc bằng miệng để lại nhà từ đường 98,8 m<sup>2</sup> thửa đất số 77, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường T cho ông C thì ông C phải có trách nhiệm mua một phần đất khác cho ông G để làm ăn sinh sống; năm 2009 ông C, bà H cho vợ chồng ông G diện tích 500 m<sup>2</sup> đất, đến năm 2014 thì viết giấy cho đất. Như vậy, việc ông C, bà H tặng cho 500 m<sup>2</sup> đất ông G là thực hiện theo di nguyện của cụ T và cam kết giữa các

đồng thừa kế. Tuy nhiên, đến năm 2022 ông G khởi kiện chia thừa kế đối với nhà từ đường 98,8 m<sup>2</sup> thửa đất số 77, tờ bản đồ số 5, địa chỉ phường T, thành phố B. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 122/2023/DSPT ngày 13/3/2023 của TAND tỉnh Đắk Lắk, ông G được phân chia kỷ phần bằng 613.900.000 đồng. Như vậy, ông G đã làm trái với di nguyện của cụ T và cam kết với ông C. Ông G cho rằng tại buổi hoà giải ngày 19/4/2022 ông không trình bày về nội dung này, tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ và tình tiết khách quan vụ án. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H là có cơ sở chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố “giấy cho đất” ngày 17/7/2014 vô hiệu.

Việc tặng cho đất vô hiệu nên các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Vợ chồng ông G, bà Phụng có nghĩa vụ trả lại đất cho vợ chồng ông C, bà H.

Nhà, vật kiến trúc và tài sản trên đất nguyên đơn tự nguyện thanh toán toàn bộ giá trị tài sản trên đất cho bị đơn theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Trung T là 173.705.000 đồng.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng.

[4.1]. Án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm và chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Phạm Thành G phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Bà Đinh Thị Kim H và ông Phạm Thành C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 173.705.000 đồng X 5% = 8.685.000 đồng (làm tròn), được khấu trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm đã nộp tại cơ quan thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo bà Đinh Thị Kim H không phải chịu án phí DSPT.

[4.2]. Chi phí tố tụng:

Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Phạm Thành G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 20.700.000 đồng. Số tiền này bà Đinh Thị Kim H đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên ông Phạm Thành G có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 122, 127, 128, 467, 691 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 167 và khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H.

- Tuyên bố “Giấy cho đất” ngày 17/7/2014 giữa bên tặng cho ông Phạm Thành C, bà Đinh Thị Kim H, bên nhận tặng cho ông Phạm Thành G đối với diện tích đất 500 m<sup>2</sup> (thực tế 497 m<sup>2</sup>) vô hiệu.

- Buộc ông Phạm Thành G và bà Trần Thị Minh Phụng phải trả lại cho ông Phạm Thành C, bà Đinh Thị Kim H 497 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất có vị trí, phía đông giáp thửa 100 dài 50m, phía tây giáp thửa đất số 99 dài 1,6 m + 46 m + 2,4 m, phía nam giáp đường bê tông dài 10 m, phía bắc giáp thửa đất số 100 dài 2,4 m + 7,6 m.

Tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp IV diện tích 59,48 m<sup>2</sup>, mái che trước nhà, sân xi măng, cổng, tường rào phía trước, bể nước, mái che sau nhà, hàng rào bên hông và sau nhà, 01 cây Sa pô chê, 04 cây Cau, 01 cây Dừa, 01 cây Mai, 01 cây Thần tài, 01 cây Thanh Long.

- Ông Phạm Thành C và bà Đinh Thị Kim H phải thanh toán cho ông Phạm Thành G và bà Trần Thị Minh P 173.705.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí và chi phí tố tụng.

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Thành G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị Kim H phải chịu 8.685.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 21617 ngày 14/10/2022 và số 2999 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Bà H còn phải nộp 8.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Thành G có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Thị Kim H 20.700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hạnh Vân**